TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 20

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 103,227 đến hàng phần trăm ta được:

A. 103,25 **B.** 103,227 **C.** 103,23 **D.** 103,22

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong số thập phân 202,357, chữ số 5 thuộc hàng nào?

A. hàng phần nghìn **B.** hàng chục

C. hàng phần trăm **D.** hàng phần mười

Câu 3. *(0,5 điểm)* Phân số 6/25 viết thành phân số thập phân là:

A. 6/100 **B.** 24/1000 **C.** 10/100 **D.** 24/100

Câu 4. *(0,5 điểm)* Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 91,1 ……. 91,10

A. > **B.** < **C.** =

Câu 5. *(0,5 điểm)* Mẹ mua 4,2 kg táo, mỗi ki-lô-gam giá 24 000 đồng. Mẹ phải trả số tiền là:

A. 1 008 000 đồng **B.** 100 800 đồng

C. 112 800 đồng **D.** 96 000 đồng

Câu 6. *(0,5 điểm)* 30 ha = ……. m²

A. 300 000 **B.** 3000 **C.** 30 000 **D.** 3 000 000

Câu 7. *(0,5 điểm)* 6 m² 81 dm² = ……. m²

A. 681 **B.** 14,1 **C.** 6,081 **D.** 6,81

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thang có đáy lớn 23 cm, đáy bé 8 cm, chiều cao 13 cm. Diện tích hình thang là:

A. 1196 cm² **B.** 201,5 cm² **C.** 403 cm² **D.** 44 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 36 đơn vị, 4 phần mười, 3 phần trăm, 5 phần nghìn viết là: …….

b) Phân số 9/25 viết dưới dạng số thập phân: …….

c) Hỗn số 7 60/100 viết dưới dạng số thập phân: …….

Câu 10. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Nhân một số thập phân với 0,1 ta chuyển dấu phẩy sang trái một chữ số	
b) 0,5 = 0,50	
c) Hình thang có hai cặp cạnh đối diện song song	
d) Đường kính của hình tròn gấp 2 lần bán kính	

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 894,51 + 12,9 = ……

b) 357,9 − 85,87 = ……

c) 37,1 × 4,9 = ……

d) 47,75 : 2,5 = ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7 m 9 cm = …… m

b) 7 kg 69 g = …… kg

c) 8 km^2 = …… ha

d) 8500 m^2 = …… ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 13 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 13 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 22 dm: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Một ô tô cứ đi 100 km thì tiêu thụ hết 8,96 l xăng. Hỏi ô tô đó đi quãng đường 200 km thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?

a) Đi 1 km hết: …… l

b) Đi 200 km hết: …… l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 20

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	D	C	B	A	D	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 36,435

b) 9/25 = 36/100 = 0,36

c) 7,6

Câu 10.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) Đ

Câu 11.

a) 894,51 + 12,9 = 907,41

b) 357,9 − 85,87 = 272,03

c) 37,1 × 4,9 = 181,79

d) 47,75 : 2,5 = 19,1

Câu 12.

a) 7,09

b) 7,069

c) 800

d) 0,85

Câu 13.

a) 13 × 2 × 3,14 = 81,64

b) 13 × 13 × 3,14 = 530,66

c) 22 × 3,14 = 69,08

Câu 14.

Đi 1 km hết: 8,96 : 100 = 0,0896 (l)

Đi 200 km hết: 0,0896 × 200 = 17,92 (l)